

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỨC GIANG
Số: 1696/BVĐKĐG-VTTB

V/v : Mời cung cấp tài liệu thông số kỹ thuật
cho mua sắm vật tư chấn thương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận tài liệu (thông số kỹ thuật + Catalogue) của các vật tư chấn thương để tham khảo xây dựng tính năng và yêu cầu kỹ thuật cho mua sắm danh mục vật tư chấn thương năm 2024, với nội dung cụ thể như sau :

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu:

- Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận tài liệu cung cấp: Đ/c Nguyễn Thị Phương Nhung – Phòng Vật tư thiết bị - ĐT : 0386.922.866
- Tài liệu được tiếp nhận theo hình thức sau :
 - Nhận tại địa chỉ: Văn thư Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
 - Và Nhận qua Email: vtbbytducgiang@gmail.com
- Thời gian tiếp nhận : Từ 8h ngày 09 tháng 09 năm 2024 đến trước 17h 00 ngày 20 tháng 09 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu cung cấp tài liệu cấu hình kỹ thuật:

- Danh mục vật tư (Phụ lục 1 đính kèm)
- Biểu mẫu báo giá (Phụ lục 2 đính kèm)

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị!

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VTTB.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thường

DANH MỤC VẬT TƯ

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
A	CỘT SỐNG		
I	NEP VÍT CỘT SỐNG NGỰC - CỘT SỐNG THẮT LƯNG		
1	Bộ nẹp vít cột sống rộng nòng bơm xi măng, bao gồm:	Bộ	5
1.1	Kim chọc dò đẩy xi măng tương thích với vít đa trục bơm xi măng loại rộng nòng.	Cái	30
1.2	Nẹp dọc dùng cho vít bơm xi măng	Cái	5
1.3	Vít đa trục bơm xi măng loại rộng nòng các size kèm ốc khóa trong	Cái	30
1.4	Xi măng sinh học dùng trong tạo hình thân đốt sống	Gói	5
1.5	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng	Cái	5
2	BỘ NEP VÍT CỐ ĐỊNH CỘT SỐNG DÙNG TRONG MỔ, BAO GỒM:	Bộ	5
2.1	Vít đa trục	Cái	20
2.2	Ốc khóa trong cho vít đa trục	Cái	20
2.3	Nẹp dọc thẳng (lưng ngực)	Cái	5
2.4	Nẹp nối ngang (lưng ngực)		5
3	BỘ NEP VÍT ĐA TRỤC 3 VÙNG REN, BAO GỒM:	Bộ	5
3.1	Vít đa trục 3 vùng ren các cỡ, chất liệu titan	Cái	20
3.2	Ốc khóa trong cho vít đa trục	Cái	20
3.3	Nẹp dọc thẳng (lưng ngực)	Cái	5
3.4	Nẹp nối ngang (lưng ngực)		5
4	BỘ NEP VÍT CỘT SỐNG BẮT QUA DA, CÓ LỖ BƠM XI MĂNG, LOẠI 3 VÙNG REN, BAO GỒM:	Bộ	5
4.1	Vít đa trục rộng nòng dùng trong phẫu thuật qua da có lỗ bơm xi măng kèm ốc khóa trong	Cái	30
4.2	Nẹp dọc uốn sẵn dùng trong phẫu thuật qua da	Cái	5
4.3	Kim chọc dẫn đường, dùng cho vít qua da	Cái	5
4.4	Kim chọc đẩy xi măng tương thích với vít đa trục bơm xi măng loại rộng nòng	Gói	10
4.5	Xi măng xương độ nhớt trung bình		5
II	BƠM XI MĂNG TẠO HÌNH THÂN ĐỐT SỐNG		
1	Bộ bơm xi măng có bóng (Loại 1 bóng kép)	Cái	40
1.1	Kim chọc dò công sổng	Gói	
1.2	Xi măng xương 24g + 10ml	Cái	
1.3	Kim chọc bơm xi măng	Bộ	
1.4	Bóng nong thân đốt sống, loại bóng kép Ø 16 mm/ Đồng hồ đo áp lực	Bộ	

1.5	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng	Bộ	
2	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sóng không bóng	Bộ	60
2.1	Kim chọc dò cuông sóng	Bộ	
2.2	Bơm áp lực đẩy xi măng	Hộp	
2.3	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha	Gói	
3	Bộ nội soi cột sống	Bộ	10
4	Đầu đốt sóng cao tần dùng cho cột sống, tạo hình nhân nhầy đĩa đệm và bệnh lý cơ, xương khớp	Bộ	10
B	XƯƠNG NHÂN TẠO		
1	Xương nhân tạo dẻo 2.5cc	Gói	15
2	Xương nhân tạo dẻo 5.0cc	Gói	25
3	Xương nhân tạo dạng hạt loại 5cc	Gói	5
4	Xương nhân tạo dạng hạt loại 10cc	Gói	10
5	Sản phẩm sinh học thay thế xương dạng gel 1cc	Gói	5
6	Sản phẩm sinh học thay thế xương dạng hạt 10cc	Gói	15
7	Sản phẩm sinh học thay thế xương dạng hạt 15cc	Gói	5
C	ĐINH - NẸP VÍT CHẤN THƯƠNG		
1	Bộ nẹp khóa thân xương cánh tay	Bộ	20
1.1	Nẹp khóa thân xương cánh tay các cỡ	Cái	20
1.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	200
1.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	40
2	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay	Bộ	30
2.1	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài	Cái	30
2.1.1	Vít xương cứng , tự taro theo nẹp	Cái	30
2.1.2	Vít khóa theo nẹp	Cái	300
2.2	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong	Cái	30
2.2.1	Vít xương cứng , tự taro theo nẹp	Cái	30
2.2.2	Vít khóa theo nẹp	Cái	300
3	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Bộ	100
3.1	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các loại	Cái	100
3.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	800
3.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	100
4	Bộ vít xóp rộng nòng	Bộ	50
4.1	Vít xóp rộng nòng các cỡ	Cái	50
4.2	Long đen các cỡ theo vít rộng nòng	Cái	50
5	Bộ nẹp khóa xương đòn có móc	Bộ	30
5.1	Nẹp khóa xương đòn có móc các cỡ	Cái	30
5.2	Vít khóa theo nẹp	Cái	180
6	Bộ nẹp khóa xương đòn chữ S	Bộ	40
6.1	Nẹp khóa xương đòn chữ S các cỡ	Cái	40
6.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	320

7	Bộ nẹp khóa đầu ngoài xương đòn	Bộ	10
7.1	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ	Cái	10
7.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	60
8	Bộ nẹp khóa mắt xích		90
8.1	Nẹp khóa mắt xích các cỡ	Cái	90
8.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	720
8.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	180
9	Bộ nẹp khóa thân xương cẳng tay	Bộ	20
9.1	Nẹp khóa thân xương cẳng tay các cỡ	Cái	20
9.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	160
9.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	40
10	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng	Bộ	50
10.1	Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng các cỡ	Cái	50
10.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	300
10.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	50
11	Bộ nẹp khóa mỏm khuỷu		20
11.1	Nẹp khóa mỏm khuỷu các cỡ	Cái	20
11.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	120
11.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	20
12	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi	Bộ	30
12.1	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ	Cái	30
12.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	300
12.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	30
13	Bộ nẹp khóa thân xương đùi	Bộ	50
13.1	Nẹp khóa thân xương đùi các cỡ	Cái	50
13.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	500
13.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	100
14	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Bộ	25
14.1	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ	Cái	25
14.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	300
14.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	50
14.4	Vít xóp 6.5	Cái	100
15	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày	Bộ	60
15.1	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài các loại	Cái	50
15.1.1	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	400
15.1.2	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	50
15.2	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong các loại	Cái	10
15.2.1	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	100
15.2.2	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	10

16	Bộ nẹp khóa thân xương chày	Bộ	10
16.1	Nẹp khóa thân xương chày các cỡ	Cái	10
16.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	100
16.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	20
17	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày	Bộ	20
17.1	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài Trái/ Phải các loại	Cái	10
17.1.1	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	80
17.1.2	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	20
17.2	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong Trái/Phải các loại	Cái	10
17.2.1	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	80
17.2.2	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	20
18	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác	Bộ	50
18.1	Nẹp khóa đầu dưới xương mác/ trái/ phải các loại	Cái	50
18.2	Vít khóa (theo nẹp)	Cái	400
18.3	Vít xương cứng, tự taro (theo nẹp)	Cái	100
18.4	Vít xóp 4.5	Cái	100
19	Bộ đinh nội tủy các loại		
19.1	Đinh nội tủy rộng nông xương chày đa hướng	Cái	70
19.1.1	Vít chốt đầu trên (theo đinh)	Cái	100
19.1.2	vít chốt đầu dưới	Cái	150
19.2	Đinh nội tủy rộng nông xương đùi đa hướng	Cái	20
19.2.1	Vít chốt đầu trên (theo đinh)	Cái	40
19.2.2	vít chốt đầu dưới	Cái	40
19.3	Đinh nội tủy Gamma đầu trên xương đùi	Cái	10
19.3.1	Vít chốt đầu trên (theo đinh)	Cái	20
19.3.2	vít chốt đầu dưới	Cái	20
20	Kim K.wire	Cái	2500
D	THAY KHỚP		
1	Khớp gối toàn phần		
1.1	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng bảo tồn dây chằng chéo sau	Bộ	2
1.2	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng không bảo tồn dây chằng chéo sau	Bộ	3
2	Khớp háng bán phần không xi măng		
2.1	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi ngắn	Bộ	10
2.2	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài liền khối dạng thẳng	Bộ	10
2.3	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài liền khối dạng cong	Bộ	15
2.4	Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài không xi măng kiểu chuỗi lắp ghép	Bộ	15

3	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn		
3.1	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn, chỏm metal on PE	Bộ	10
3.2	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn, chỏm ceramic on PE	Bộ	5
3.3	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn, chỏm ceramic on ceramic	Bộ	5
3.4	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi ngắn loại 2 trục linh động	Bộ	5
4	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài		
4.1	Bộ Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài loại thẳng	Bộ	2
4.2	Bộ Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài loại cong	Bộ	3
5	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng thay lại	Bộ	2
E	NỘI SOI KHỚP		
1	Bộ nội soi làm sạch khớp, bao gồm:	Bộ	20
1.1	Dây dẫn dịch tưới cho máy bơm tưới hoạt dịch ổ khớp: 1 cái	cái	20
1.2	Đầu đốt cao tần + hút dịch + cầm máu cho nội soi khớp và điều trị viêm gân: 1 cái	cái	20
1.3	Lưỡi bào khớp đóng tiết trùng các cỡ: 1 cái	cái	20
2	Bộ nội soi khớp gối tái tạo dây chằng chéo kỹ thuật all inside, bao gồm:	Bộ	40
2.1	Dây dẫn dịch tưới cho máy bơm tưới hoạt dịch ổ khớp: 1 cái	cái	40
2.2	Đầu đốt cao tần + hút dịch + cầm máu cho nội soi khớp và điều trị viêm gân: 1 cái	cái	40
2.3	Lưỡi bào khớp đóng tiết trùng các cỡ: 1 cái	cái	40
2.4	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân, có thể điều chỉnh chiều dài	cái	80
2.5	Mũi khoan đường hầm tự động điều chỉnh, các cỡ	cái	40
2.6	Chỉ khâu siêu bền dùng trong phẫu thuật chỉnh hình.	sợi	40
3	Bộ nội soi khớp vai khâu chóp xoay, bao gồm:	Bộ	5
3.1	Dây dẫn dịch tưới cho máy bơm tưới hoạt dịch ổ khớp: 1 cái	Cái	5
3.2	Đầu đốt cao tần + hút dịch + cầm máu cho nội soi khớp và điều trị viêm gân: 1 cái	cái	5
3.3	Lưỡi bào khớp đóng tiết trùng các cỡ: 1 cái	cái	5
3	Bộ nội soi khớp vai khâu chóp xoay, bao gồm:	Bộ	5
3.1	Dây dẫn dịch tưới cho máy bơm tưới hoạt dịch ổ khớp: 1 cái	Cái	5
3.2	Đầu đốt cao tần + hút dịch + cầm máu cho nội soi khớp và điều trị viêm gân: 1 cái	cái	5
3.3	Lưỡi bào khớp đóng tiết trùng các cỡ: 1 cái	cái	5
3.4	Lưỡi bào mài xương trong nội soi khớp	cái	5
3.5	Kim luôn chỉ	cái	5
3.6	Trocar nhựa trong nội soi khớp	cái	5
3.7	Vít neo kèm chỉ, khâu chóp xoay	cái	10

3.8	Vít neo kèm chỉ dẹt siêu bền	cái	10
4	Bộ nội soi khớp vai khâu sụn viền, bao gồm:	Bộ	3
4.1	Dây dẫn dịch tưới cho máy bơm tưới hoạt dịch ổ khớp: 1 cái	cái	3
4.2	Đầu đốt cao tần + hút dịch + cầm máu cho nội soi khớp và điều trị viêm gân: 1 cái	cái	3
4.3	Lưới bảo khớp đóng tiết trùng các cỡ: 1 cái	cái	3
4.4	Lưới bảo mài xương trong nội soi khớp	cái	3
4.5	Kim luồn chỉ	cái	3
4.6	Trocar nhựa trong nội soi khớp	cái	3
4.7	Vít neo kèm chỉ, khâu sụn viền	cái	6
4.8	Chỉ dẹt siêu bền dùng cho khâu sụn viền	Cái	3
5	Bộ khâu phục hồi điểm bám gân, dây chằng	Bộ	10
5.1	Vít neo kèm chỉ dẹt siêu bền	Cái	10
5.2	Chỉ khâu siêu bền dùng trong phẫu thuật chỉnh hình.	Cái	10
F	SỢ NÃO		
1	Lưới vá sọ loại 135x135mm	Cái	5
2	Lưới vá sọ loại 75x110mm	Cái	10
3	Vít dùng lưới vá sọ	Cái	300
4	Nẹp xương sọ titan thẳng 6 lỗ	Cái	15
5	Nẹp xương sọ titan thẳng 12 lỗ	Cái	15
G	NẸP VÍT HÀM MẶT		
1	Nẹp hàm mặt 8 lỗ	Cái	20
2	Nẹp hàm mặt 6 lỗ	Cái	40
3	Nẹp hàm mặt 4 lỗ	Cái	100
4	Vít hàm mặt	Cái	800

Tên công ty báo giá

Phụ lục II

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : { Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của..... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan :

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Đơn vị	Cấu hình kỹ thuật báo giá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn nguồn gốc xuất xứ và các tài liệu liên quan của từng loại vật tư)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày... tháng... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chung loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
 - (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điện các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia.